

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: Canxi Cacbonat

Mã CAS: 471-34-1

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Canxi Cacbonat
- Tên khác:** Calcium Carbonate, Đá vôi, Vôi đá
- Công thức phân tử:** CaCO₃
- Sử dụng đã định:** Chất độn công nghiệp (nhựa, sơn, giấy), chất trung hòa axit, phụ gia thực phẩm, vật liệu xây dựng
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
 - Tên công ty:** Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
 - MST:** 0314051291
 - Địa chỉ:** 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Số điện thoại khẩn cấp:** 0909.907.861 (giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:** Không phân loại là hóa chất nguy hại
- Từ cảnh báo:** Không áp dụng
- Câu cảnh báo nguy hại:**
 - Có thể gây kích ứng nhẹ nếu hít bụi liên tục hoặc tiếp xúc lâu dài
- Câu phòng ngừa:**
 - P261: Tránh hít phải bụi
 - P264: Rửa tay sau khi xử lý
 - P280: Đeo khẩu trang, găng tay nếu cần

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

- Tên hóa chất:** Canxi Cacbonat
- Công thức:** CaCO₃
- Tỷ lệ:** ≥ 95%
- Mã CAS:** 471-34-1

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Di chuyển đến nơi thoáng khí; nếu có triệu chứng, tìm hỗ trợ y tế
- Tiếp xúc da:** Rửa bằng nước và xà phòng
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút
- Nuốt phải:** Không gây hại lớn ở liều thấp; tìm trợ giúp y tế nếu khó chịu

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Tính dễ cháy:** Không dễ cháy
- Chất chữa cháy phù hợp:** Bột, CO₂, nước, bột khô – sử dụng theo vật liệu xung quanh
- Trang bị bảo hộ:** Thiết bị thở và quần áo chống cháy nếu trong môi trường khói bụi

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Tránh tạo bụi; đeo khẩu trang, kính, găng tay khi dọn
- Biện pháp môi trường:** Tránh phát tán vào cống, ao hồ
- Phương pháp làm sạch:** Quét hoặc hút bằng thiết bị chống bụi; chứa trong bao/túi kín

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Nơi thông thoáng, tránh tạo bụi mịn
- **Bảo quản:** Nơi khô ráo, mát, tránh ẩm
- **Không tương thích:** Axit mạnh (giải phóng CO₂), ẩm cao

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm (ACGIH):** 10 mg/m³ (bụi tổng), 5 mg/m³ (bụi hô hấp)
- **Bảo hộ cá nhân:**
 - **Hô hấp:** Khẩu trang lọc bụi
 - **Mắt:** Kính bảo hộ
 - **Da:** Găng tay, quần áo bảo hộ

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Bột rắn
- **Màu sắc:** Trắng
- **Mùi:** Không mùi
- **Điểm nóng chảy:** Phân hủy ở ~825°C
- **Độ tan trong nước:** Không tan (0.0013 g/100 mL ở 25°C)
- **pH (dung dịch 10%):** ~9
- **Tỷ trọng:** ~2.7 g/cm³

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Tính ổn định:** Ổn định trong điều kiện thường
- **Phản ứng nguy hiểm:** Phản ứng với axit tạo CO₂
- **Tránh tiếp xúc với:** Axit mạnh, ẩm cao
- **Sản phẩm phân hủy:** CO₂

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50:** Không xác định (độc tính rất thấp)
- **Nguy cơ:**
 - Có thể gây kích ứng mắt và đường hô hấp nếu tiếp xúc bụi
 - Tiếp xúc dài ngày có thể gây bụi phổi nhẹ

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính thủy sinh:** Không độc
- **Khả năng phân hủy sinh học:** Không áp dụng (vô cơ)
- **Tác động môi trường:** Ít ảnh hưởng; tránh xả thải bừa bãi

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Xử lý chất thải:** Thu gom và xử lý theo quy định chất thải thông thường hoặc tái sử dụng
- **Bao bì:** Tái chế hoặc xử lý theo quy định địa phương

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **Tên vận chuyển quốc tế:** Calcium Carbonate
 - **UN Number:** Không phân loại là hàng nguy hiểm
 - **Nhóm đóng gói:** Không áp dụng
 - **Nguy cơ vận chuyển:** Không có
-

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- **Quy định Việt Nam:** Không nằm trong danh mục hóa chất nguy hiểm
 - **Quy định quốc tế (GHS):** Không phân loại là nguy hiểm
 - **REACH/EINECS:** Có mặt trong danh mục (EINECS: 207-439-9)
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày cập nhật:** 07/07/2025
- **Nguồn tham khảo:** Sigma-Aldrich, PubChem, TCVN/Bộ Công Thương
- **Khuyến cáo:** Không sử dụng ngoài mục đích chuyên môn. Luôn đeo bảo hộ khi tiếp xúc lâu dài.
- Ghi chú:
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế